SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông; Thời gian ký: 23/05/2024 10:55:57 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 611 /QĐ-UBND	*Đắk Nông, ngày 22 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện không sử dụng hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 26/TTr-STTTT ngày 14 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện không sử dụng hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Tổng số dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện không sử dụng hồ sơ giấy là 147 dịch vụ công trực tuyến, gồm 142 dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, 05 dịch vụ công trực tuyến cấp huyện *(Phụ lục đính kèm)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, Ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ Danh mục dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện tại Điều 1 để triển khai thực hiện có hiệu quả, bảo đảm đúng quy định. Định kỳ rà soát để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn hóa, điều chỉnh, thay thế, bổ sung cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế của tỉnh. Đồng thời, tổ chức hiệu quả công tác tuyên truyền, truyền thông để vận động người dân, doanh nghiệp cùng tham gia việc nộp hồ sơ trực tuyến thay cho hình thức trực tiếp.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan bảo đảm các điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin, tiêu chuẩn kỹ thuật và các điều kiện cần thiết có liên quan để các Sở, Ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện thuận lợi. Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện, đảm bảo việc thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện không sử dụng hồ sơ giấy theo đúng quy định của pháp luật.

3. Giao Văn phòng UBND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Cục CSQLHC về TTXH, BCA;
- Cục Chuyển đổi số QG, Bộ TT&TT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, NC(S).

04

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Chiến

DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KHÔNG SỬ DỤNG HỒ SƠ GIẤY THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 611 /QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
I. BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP					
1	1	1.009760	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	
2	2	1.009759	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam	
3	3	1.009756	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam	
4	4	1.009775	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam	
5	5	1.009774	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam	
6	6	1.009772	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam	
7	7	1.009999	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động Xây dựng	

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
II. SỞ CÔNG THƯƠNG					
8	1	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	An toàn thực phẩm	
9	2	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	An toàn thực phẩm	
10	3	1.003401	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp	
11	4	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	Xúc tiến thương mại	
12	5	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Xúc tiến thương mại	
13	6	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại	
14	7	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại	
III. SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH					
15	1	1.004650	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Quảng cáo	
16	2	1.004645	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Quảng cáo	
IV. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO					
17	1	2.002478	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	Giáo dục trung học	
18	2	1.005092	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Văn bằng, chứng chỉ	

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
V. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
19	1	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Thú y	
20	2	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	Bảo vệ thực vật	
21	3	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	Bảo vệ thực vật	
VI. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					
22	1	1.004269	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai	Đất đai	
23	2	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	
24	3	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên nước	
25	4	1.004253	Cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên nước	
26	5	1.011518	Trả lại Giấy phép tài nguyên nước	Tài nguyên nước	
27	6	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Tài nguyên nước	
28	7	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	
VII. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ					
29	1	2.001610	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
30	2	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
31	3	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
32	4	2.002043	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
33	5	2.002042	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
34	6	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
35	7	1.005169	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
36	8	2.002011	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
37	9	2.002010	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
38	10	2.002009	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
39	11	2.002008	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
40	12	1.005114	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
41	13	2.002000	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
42	14	2.001996	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
43	15	2.001993	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
44	16	2.002044	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
45	17	2.001992	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
46	18	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
47	19	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
48	20	2.002070	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
49	21	2.002031	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
50	22	2.002075	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
51	23	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
52	24	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
53	25	1.005176	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
54	26	1.010026	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
55	27	2.002085	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
56	28	2.002083	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
57	29	2.002059	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
58	30	2.002060	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
59	31	2.002057	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
60	32	2.002034	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
61	33	2.002032	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
62	34	2.002033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
63	35	1.010027	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
64	36	2.002018	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
65	37	2.002017	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
66	38	2.002015	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
67	39	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
68	40	2.002023	Giải thể doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
69	41	2.002022	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
70	42	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
71	43	2.002016	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
72	44	2.000368	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
73	45	2.000416	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
74	46	2.000375	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
75	47	1.010029	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
76	48	1.010030	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
77	49	1.010031	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
78	50	1.010010	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
79	51	1.010023	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
VIII. SỞ Y TẾ					
80	1	1.004571	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	
81	2	1.004576	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	
IX. SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG					
82	1	2.001173	Cho phép họp báo nước ngoài (địa phương)	Báo chí	
83	2	2.001171	Cho phép họp báo trong nước (địa phương)	Báo chí	

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
84	3	1.009374	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Báo chí	
85	4	1.003888	Chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	Báo chí	
86	5	1.009386	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Báo chí	
87	6	1.003868	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (địa phương)	Xuất bản, In và Phát hành	
88	7	1.003483	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất bản, In và Phát hành	
89	8	1.003725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (cấp địa phương)	Xuất bản, In và Phát hành	
90	9	2.001564	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (cấp địa phương)	Xuất bản, In và Phát hành	
91	10	1.004153	Cấp giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Xuất bản, In và Phát hành	
92	11	2.001744	Cấp lại giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Xuất bản, In và Phát hành	
93	12	1.008201	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất bản, In và Phát hành	
94	13	2.001740	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	Xuất bản, In và Phát hành	
95	14	1.003729	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất bản, In và Phát hành	

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
96	15	2.001584	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất bản, In và Phát hành	
97	16	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	Xuất bản, In và Phát hành	
98	17	2.001594	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất bản, In và Phát hành	
99	18	1.003114	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất bản, In và Phát hành	
100	19	2.001098	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp(địa phương)	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	
101	20	2.001087	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	
102	21	2.001765	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	
103	22	2.001091	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	
104	23	1.003384	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	
105	24	1.000067	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương))	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
106	25	1.000073	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt (địa phương)	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	
107	26	2.001666	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thể loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	
108	27	2.001681	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	
109	28	2.001684	Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	
110	29	2.001766	Thông báo thay đổi chủ sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	
111	30	1.005452	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	
112	31	1.003659	Cấp giấy phép bưu chính	Bưu chính	
113	32	1.003687	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	Bưu chính	
114	33	1.004379	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Bưu chính	

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
115	34	1.003633	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	Bưu chính	
116	35	1.004470	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	Bưu chính	
117	36	1.005442	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Bưu chính	
118	37	1.010902	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	Bưu chính	
X. SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI					
119	1	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Lao động	Cơ quan thực hiện: Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh
120	2	2.002028	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	Việc làm	
XI. SỞ NỘI VỤ					
121	1	2.001481	Thủ tục thành lập hội	Tổ chức phi Chính phủ	
122	2	1.003960	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	Tổ chức phi Chính phủ	
123	3	1.003920	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	Tổ chức phi Chính phủ	
124	4	1.003879	Thủ tục đổi tên quỹ	Tổ chức phi Chính phủ	
125	5	1.003900	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Tổ chức phi Chính phủ	
126	6	1.003918	Thủ tục hội tự giải thể	Tổ chức phi Chính phủ	

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
127	7	2.001678	Thủ tục đổi tên hội	Tổ chức phi Chính phủ	
128	8	2.001567	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	Tổ chức phi Chính phủ	
129	9	2.001590	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ	Tổ chức phi Chính phủ	
130	10	1.003503	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	Tổ chức phi Chính phủ	
131	11	1.003950	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi tạm đình chỉ hoạt động	Tổ chức phi Chính phủ	
132	12	1.003858	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện	Tổ chức phi Chính phủ	
133	13	1.003916	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Tổ chức phi Chính phủ	
134	14	1.003822	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Tổ chức phi Chính phủ	
135	15	1.009320	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tổ chức Biên chế	
136	16	1.009319	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tổ chức Biên chế	
137	17	1.009321	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tổ chức Biên chế	
138	18	1.009331	Thủ tục hành chính thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tổ chức Biên chế	
139	19	1.009332	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tổ chức Biên chế	
140	20	1.009333	Thủ tục hành chính thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tổ chức Biên chế	

STT		MÃ TTHC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	GHI CHÚ
141	21	1.009339	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tổ chức Biên chế	
142	22	1.009340	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tổ chức Biên chế	
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
1	1	2.001884	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	
2	2	2.001885	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	
3	3	2.001786	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	
4	4	2.001880	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	
5	5	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội	